

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter of New Hampshire Health Families, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B**- Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đòi hỏi cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đòi hỏi cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đòi hỏi.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đòi hỏi cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đòi hỏi cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đòi hỏi trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đòi hỏi.
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
Antirheumatic Antimetabolites					
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA			
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies					
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.072 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
OTEZLA TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TBPK	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
Salicylates			<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>METHADONE HCL SOLN IJ</i>	1B	
Opioid Agonists			<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA			

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)			
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA			
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>METHITEST TABS</i>	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
<i>TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML</i>	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
<i>UCERIS (budesonide (intrarectal))</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))</i>	3	QL(2 gm daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMVERM CHEW	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>flecainide acetate</i>	1B		<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B		SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B		SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
Antiarrhythmics Type III			<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B		Leukotriene Modulators		
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B		<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dofetilide</i>	1B		<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions			<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies			<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA	<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA	Steroid Inhalants		
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA	ALVESCO	3	PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA	ARNUIITY ELLIPTA	2	
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA	<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA	<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA	QVAR REDIHALER	2	
Anti-Inflammatory Agents			Sympathomimetics		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)	AIRDUO DIGIHALER 113/14	3	
Bronchodilators - Anticholinergics			AIRDUO DIGIHALER 232/14	3	
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)	AIRDUO DIGIHALER 55/14	3	
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AIRSUPRA	3	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	
BREO ELLIPTA	2	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
PROAIR DIGIHALER	3	
PROAIR RESPICLICK AEPB	3	
SEREVENT DISKUS	2	
STIOLTO RESPIMAT	2	
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Xanthines		
<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>theophylline TB24</i>	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 day(s) retail; 7 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 day(s) retail; 5 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
Anticonvulsants - Misc.		
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine CHEW</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B	
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B	
<i>carbamazepine TABS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
Hydantoins		
DILANTIN	2	
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)	2		bupropion hcl TB12 150 MG	1B	QL(3 ea daily)
fosphenytoin sodium	1B		bupropion hcl TB12 100 MG	1B	QL(4 ea daily)
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	1B		bupropion hcl TB12 200 MG	1B	QL(2 ea daily)
phenytoin sodium SOLN	1B		bupropion hcl TB24 150 MG	1B	QL(3 ea daily)
phenytoin CHEW	1B		bupropion hcl TB24 300 MG	1B	QL(1 ea daily)
phenytoin SUSP	1B				
Succinimides			Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
CELONTIN (methsuximide)	3	QL(4 ea daily)	EMSAM	3	QL(1 ea daily)
ethosuximide CAPS	1B	QL(6 ea daily)	MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
ethosuximide SOLN	1B	QL(30 ml daily)	phenelzine sulfate	1B	
methsuximide	1B	QL(4 ea daily)	tranylcypromine sulfate	1B	
ZARONTIN CAPS (ethosuximide)	2	QL(6 ea daily)	N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
Valproic Acid			SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
divalproex sodium TB24	1B		SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
divalproex sodium TBEC	1B		Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	1B		citalopram hydrobromide SOLN	1B	QL(20 ml daily)
valproic acid CAPS	1B		citalopram hydrobromide TABS 20 MG	1B	QL(2 ea daily)
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression					
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)					
mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	1B	QL(1 ea daily)	citalopram hydrobromide TABS 40 MG	1B	QL(1 ea daily)
mirtazapine TABS 30 MG	1B	QL(1.5 ea daily)	citalopram hydrobromide TABS 10 MG	1B	QL(4 ea daily)
mirtazapine TABS 15 MG	1B	QL(3 ea daily)	escitalopram oxalate SOLN	1B	QL(20 ml daily)
mirtazapine TBDP 30 MG	1B	QL(1.5 ea daily)	escitalopram oxalate TABS 5 MG	1B	QL(4 ea daily)
mirtazapine TBDP 15 MG	1B	QL(3 ea daily)	escitalopram oxalate TABS 10 MG	1B	QL(2 ea daily)
mirtazapine TBDP 45 MG	1B	QL(1 ea daily)	escitalopram oxalate TABS 20 MG	1B	QL(1 ea daily)
Antidepressants - Misc.					
bupropion hcl TABS	1B	QL(3 ea daily)	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B		<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Tricyclic Agents		
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>amoxapine</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>clomipramine hcl</i>	1B	
Serotonin Modulators			<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>nefazodone hcl</i>	1B		<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B		<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA	<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail	<i>imipramine pamoate</i>	1B	
			<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
			<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
			<i>protriptyline hcl</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trimipramine maleate</i> CAPS	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	1B	QL(1 ea daily)
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar					
Alpha-Glucosidase Inhibitors					
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-2.5 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)	SOLIQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
Antidiabetic Combinations					
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 ea daily)	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 ea daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)	XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)	Biguanides		
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
Diabetic Other			INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
<i>diazoxide</i>	3		INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)	INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors			LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)	LEVEMIR SOLN	3	PA
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
Incretin Mimetic Agents			NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA	NOVOLIN N SUSP	2	
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA	NOVOLIN R SOLN IJ	2	
VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ml daily); PA	Insulin Sensitizing Agents		
Insulin			<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA	Meglitinide Analogues		
APIDRA SOLN	3	PA	<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2		<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)	<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)	Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B		<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B		FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 ea daily)
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B		FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
			JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
			Sulfonylureas		
			<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily)
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPB	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
QUZYTIR SOLN IV	3	PA
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily); 9 ea per 3 day(s) retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomicin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimetabolites			LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	ADCETRIS	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	RUXIENCE	4	PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		TRUXIMA	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		YERVOY	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	KANJINTI	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	OGIVRI	4	PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	PERJETA	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	TRAZIMERA	4	PA
TABLOID	4	SP; PA	TUKYSA	4	PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			ERBITUX	4	SP; PA
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA	<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	TAGRISO 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA
			TAGRISO 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA
			VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
			VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
DAURISMO	4	PA
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 ea daily); SP
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
<i>letrozole</i>	1B	
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>toremifene citrate</i>	1B	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
XPOVIO	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA	INREBIC	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI	4	PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	KOSELUGO	4	PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA	KYPROLIS	4	PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
BRUKINSA	4	PA	LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST SOLR	4	PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS	4	PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA	MEKTOVI	4	SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA	NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
			PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
			PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA	VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
QINLOCK	4	PA	XOSPATA	4	PA
RETEVMO CAPS	4	PA	ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA	ZELBORAF	4	SP; PA
SCEMBLIX 40 MG	4	QL(10 ea daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
SCEMBLIX 20 MG	4	QL(2 ea daily); PA	Antineoplastic Enzymes		
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ONCASPAR	4	SP; PA
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Antineoplastics Misc.		
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
TABRECTA	4	PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS	4	PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
TAFINLAR TBSO	4	PA	MATULANE	4	SP; PA
TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA	NIPENT	4	SP; PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
TAZVERIK	4	PA	SYNRIBO	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TIBSOVO	4	PA	UVADEX	4	SP; PA
TURALIO	4	PA	Chemotherapy Adjuncts		
VERZENIO	4	PA	KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
VITRAKVI CAPS	4	PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
VITRAKVI SOLN	4	PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
			<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B		<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1B		<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine</i>	1B		<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B		<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>thioridazine hcl</i>	1B		<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B		EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
Quinolinone Derivatives			<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
REXULTI	3	PA	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Thioxanthenes			FUZEON SOLR	4	SP; PA
<i>thiothixene</i>	1B		GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections			INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
Antiretrovirals			ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)	ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)	ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	JULUCA	3	QL(1 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST	LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
<i>darunavir TABS</i>	1B		<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	3	
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)
RUKOBIA	4	PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
CMV Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 200 MG	4	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
VOSEVI	4	PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Influenza Agents			<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail	<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail	<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	Beta Blockers Non-Selective		
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure			HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
Alpha-Beta Blockers			<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>carvedilol</i>	1B		<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B		<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B		<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
Beta Blockers Cardio-Selective			<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B		<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B		<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B		<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B		<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B		Calcium Channel Blockers		
			<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
			<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
			<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
			<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
			<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA	<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist			<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
UPTRAVI TITRATION PACK TBPB	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA	Cephalosporins - 2nd Generation		
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA	<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator			<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA	<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
Sinus Node Inhibitors			<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA	<i>cefprozil TABS</i>	1B	
CORLANOR TABS (<i>ivabradine hcl</i>)	3	QL(2 ea daily); PA	<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>ivabradine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Transthyretin Stabilizers			Cephalosporins - 3rd Generation		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA	<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA	<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>cefixime CAPS</i>	1B	
Cephalosporins - 1st Generation			<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B		<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B		<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
			<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
			<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
			<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
			<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
			Cephalosporins - 4th Generation		
			<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	0	
desogestrel & ethinyl estradiol	0	
desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	0	
desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	0	
drospirenone-ethinyl estradiol	0	
drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	0	
ethynodiol diacet & eth estrad	0	
levonorgestrel & eth estradiol TABS	0	
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	0	
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG	0	
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	0	
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
norethin acet & estrad-fe CAPS	0	
norethin acet & estrad-fe CHEW	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	0	
norethindrone & eth estradiol	0	
norethindrone & ethinyl estradiol-fe	0	
norethindrone acet & eth estra TABS	0	
norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	0	
norethindrone-eth estradiol (triphasic)	0	
norgestimate-ethinyl estradiol	0	
norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	0	
norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	0	
TYBLUME CHEW	0	
Combination Contraceptives - Transdermal		
norelgestromin-ethinyl estradiol	0	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail; 9 ea per 84 days mail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	
etonogestrel-ethinyl estradiol	0	QL(0.05 ea daily)
Copper Contraceptives - IUD		
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	0	
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Progestin Contraceptives - Implants			<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
NEXPLANON	0		<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
Progestin Contraceptives - Injectable			<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		EMFLAZA SUSP (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)	EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 day(s) retail)	<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - IUD			MEDROL TABS	3	
KYLEENA	0		<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
LILETTA 20.1 MCG/DAY	0		<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
MIRENA	0		<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
SKYLA	0		<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
OPILL	0		<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
SLYND	0	QL(1 ea daily)	<i>prednisolone TABS</i>	1B	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisone SOLN</i>	1B	
Glucocorticosteroids			<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA	<i>prednisone TBPK</i>	1B	
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	SOLU-CORTEF 250 MG	3	
DEPO-MEDROL SUSP	3		SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B		SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B		<i>triamcinolone acetamide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B				
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B				

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Mineralocorticoids			BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>fludrocortisone acetate</i> TABS	1B		BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms			<i>benzoyl peroxide-erythromycin</i> GEL	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
Antitussives			<i>benzoyl peroxide</i> FOAM 5.3 %, 9.8 %	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzonatate</i> 150 MG	1B	QL(4 ea daily)	<i>benzoyl peroxide</i> GEL 10 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzonatate</i> 100 MG	1B	QL(6 ea daily)	<i>benzoyl peroxide</i> GEL 5 %	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzonatate</i> 200 MG	1B	QL(3 ea daily)	<i>benzoyl peroxide</i> LIQD 4 %, 7 %, 10 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
Cough/Cold/Allergy Combinations			<i>clindamycin phosphate (topical)</i> FOAM	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex</i> SUER	1B		<i>clindamycin phosphate (topical)</i> GEL	1B	QL(8 gm daily)
TUZISTRA XR	2	PA	<i>clindamycin phosphate (topical)</i> LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old)
Misc. Respiratory Inhalants			<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SOLN	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
HYPERSAL NEBU	1B		<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SWAB	1B	AL(At least 12 yrs old)
NEBUSAL NEBU	1B		<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>sodium chloride (inhalant)</i> NEBU 7 %	1B		<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide</i> GEL 5 %-1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
Mucolytics			<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>acetylcysteine</i> SOLN	1B		DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions			<i>erythromycin (acne aid)</i> PADS	1B	AL(At least 12 yrs old)
Acne Products			<i>erythromycin (acne aid)</i> SOLN	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene-benzoyl peroxide</i> GEL 2.5 %-0.1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>isotretinoin</i> 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	3	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene</i> CREA	1B	AL(At least 12 yrs old); ST			
<i>adapalene</i> GEL	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC			
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST			

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 gm per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
Agents for External Genital and Perianal Warts			<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)	<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
Antibiotics - Topical			ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail; 15 gm per 30 days mail)	<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B		<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail); PA	<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antifungals - Topical			<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
			<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	Antipruritics - Topical		
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	Antipsoriatics		
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B		<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>tavaborole</i>	1B	PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
Anti-inflammatory Agents - Topical			<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)	SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail)	SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA
			SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
			STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
			STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 gm daily)
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA
Antiseborrheic Products		
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
Antivirals - Topical		
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)
Burn Products		
<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)
SULFAMYLON CREA	3	
Corticosteroids - Topical		
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>amcinonide LOTN</i>	3	
<i>amcinonide OINT</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 ea daily); RX/OTC
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>fluocinonide GEL</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)			
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOPN 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOPN 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA; RX/OTC
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
KETONE STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
PRECISION XTRA	1B	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Diuretic Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>toremide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN (<i>teriparatide (recombinant)</i>)	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA	SYNAREL	4	SP; PA
GnRH/LHRH Antagonists			Metabolic Modifiers		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA	ALDURAZYME	4	SP; PA
ORLISSA	2	PA	<i>betaine</i>	4	SP; PA
Growth Hormone Receptor Antagonists			<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA	<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)			<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
EGRIFTA 2 MG	4	PA	<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
EGRIFTA SV	4	PA	<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
Growth Hormones			ELAPRASE	4	SP; PA
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA	GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA	LUMIZYME	4	SP; PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA	MYALEPT	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA	NAGLAZYME	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA	<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA	<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
Hormone Receptor Modulators			<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
OSPHENA	3	PA	PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)			<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
INCRELEX	4	SP; PA	<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants			<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
FENSOLVI SC	4	SP; PA	STRENSIQ	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA	Posterior Pituitary Hormones		
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA	<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
			<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
			<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
STIMATE SOLN NA	4	SP; PA
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPK	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
ACTIVELLA TABS 1 MG-0.5 MG (<i>estradiol & norethindrone acetate</i>)	3	
ANGELIQ	3	
BIJUVA	3	
CLIMARA PRO	3	
COMBIPATCH PTTW	3	
DUAVEE	3	
<i>esterified estrogens & methyltestosterone</i>	3	
<i>estradiol & norethindrone acetate TABS</i>	3	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREFEST	3	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alose tron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat		
Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA
PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Saline Laxatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OSMOPREP	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	
DUREX TROPICAL MISC	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
FEMCAP DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	
KIMONO COLORS DEVI	0	
KIMONO LUBRICATED MISC	0	
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0		TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0	
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0		TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0		TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	
MAXX LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0	
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0	
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0	
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
TRUE COVER DEVI	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0				
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDED MISC	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Diabetic Supplies		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	RX/OTC
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
SELECT LANCETS	1	6.66/day
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
Parenteral Therapy Supplies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIQ	2	QL(0.04 ml daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	MINERALS & ELECTROLYTES		
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	Bicarbonates		
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	Calcium		
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	Electrolyte Mixtures		
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-a</i>	1B	
			IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B	
			ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
			ISOLYTE-S	1B	
			KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
			<i>lactated ringer's</i>	1B	
			NORMOSOL-M/D5W	1B	
			NORMOSOL-R	1B	
			PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
			PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B	
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B	
<i>ringer's</i>	1B	
Fluoride		
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
Magnesium		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
Phosphate		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
Potassium		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B	
<i>potassium chloride TBCR</i>	1B	
Sodium		
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
Immunomodulators		
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)	MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS -		
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)	Drugs to Treat Spasms		
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	Central Muscle Relaxants		
			<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	
			<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
			<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 % , 0.2 %</i>	1B	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetamide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSP 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
LUCEMYRA (lofexidine hcl)	3	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 ea daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluorocyclines		
XERAVA	4	PA
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLN	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PNEUMOVAX 23	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA	0	

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail	ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
Viral Vaccines			FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ABRYSVO	0		FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0		FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0		FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0		FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 2024-25 SUSY	0				
COMIRNATY SUSP	0				
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
			HAVRIX	0	
			HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail
			IPOL INACTIVATED IPV	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		RECOMBIVAX HB SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0		RECOMBIVAX HB SUSY	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0		ROTARIX SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		ROTARIX SUSR	0	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0		ROTATEQ SOLN	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0		SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0		TWINRIX SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0		VAQTA	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0		VARIVAX INJ	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
			Miscellaneous Vaginal Products		
			INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
			Spermicides		
			TODAY SPONGE MISC	0	
			Vaginal Anti-infectives		
			<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
			<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
			GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 day(s) retail; 5 gm per 30 days mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metronidazole vaginal</i>	1B		<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B		<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B		<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B		<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B		VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Vaginal Anti-inflammatory Agents			Water Soluble Vitamins		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)	<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators			NIACIN TR TBCR	1B	
PHEXXI	0	PV	<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
Vaginal Estrogens			<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B		<i>niacin TABS</i>	1A	
ESTRING RING	3		<i>niacin TBCR</i>	1A	
FEMRING	3		VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)	Anaphylaxis Therapy Agents		
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions			<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Anaphylaxis Therapy Agents			<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail	Vasopressors		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail	<i>midodrine hcl</i>	1B	
Vasopressors			VITAMINS		
<i>midodrine hcl</i>	1B		Oil Soluble Vitamins		
VITAMINS			Oil Soluble Vitamins		

Ambetter Formulary Updated October 1, 2024

INDEX

abacavir sulfate SOLN	30	ACTIVELLA TABS 1 MG-0.5 MG (estradiol & norethindrone acetate) 46	AIMOVIG	53	
abacavir sulfate TABS	30	acyclovir CAPS	31	AIMSCO LUBRICATED MISC	51
abacavir sulfate-lamivudine	30	acyclovir SUSP	31	AIRDUO DIGIHALER 113/14	9
ABELCET	18	acyclovir TABS OR	31	AIRDUO DIGIHALER 232/14	9
abiraterone acetate 250 MG	25	acyclovir topical CREA	40	AIRDUO DIGIHALER 55/14	9
abiraterone acetate 500 MG	25	acyclovir topical OINT	40	AIRSUPRA	10
ABRYSSVO	66	ADACEL SUSP	64	AKYNZEO	17
acamprosate calcium	61	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albendazole	7
acarbose	15	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate AERS	10
acebutolol hcl CAPS	32	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML	10
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene CREA	37	albuterol sulfate SYRP	10
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene GEL	37	albuterol sulfate TABS	10
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	37	alclometasone dipropionate CREA	40
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADCETRIS	24	alclometasone dipropionate OINT	40
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	adefovir dipivoxil	31	ALDURAZYME	45
acetazolamide CP12	43	ADEMPAS	34	ALECENSA	26
acetazolamide sodium	43	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	64	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	44
acetazolamide TABS 125 MG	43	ADVATE	48	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	44
acetazolamide TABS 250 MG	43	ADYNOVATE	48	alfuzosin hcl	48
acetic acid (otic)	60	AFLURIA 2024-2025 SUSP	66	ALINIA SUSR	21
acetic acid 0.25 %	48	AFLURIA 2024-2025 SUSY	66	aliskiren fumarate	21
acetylcysteine SOLN	37	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	66	allopurinol 100 MG, 300 MG	48
acitretin 10 MG, 17.5 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	66	almotriptan malate 12.5 MG	53
acitretin 25 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	66	almotriptan malate 6.25 MG	54
ACTHAR GEL	44	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	66	ALOCRIL	59
ACTHIB SOLR IM	65	AFSTYLA	48	alogliptin benzoate	16
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	27			alogliptin-metformin hcl	15

alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG 15	aminophylline SOLN 10	1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG 1
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG 15	amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ... 9	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG 1
ALOMIDE 60	amiodarone hcl TABS 9	
alosetron hcl 47	amitriptyline hcl TABS 14	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG 1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG 8	amlodipine besylate TABS 32	
alprazolam TABS 2 MG 8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium 33	
alprazolam TB24 8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG 1
alprazolam TBDP 8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil 20	
ALPROLIX 48	amlodipine besylate-valsartan 20	
ALREX SUSP (loteprednol etabonate) 59	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide 20	
ALTABAX 38	amoxapine 14	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG 1
ALTUVIIIO 48	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 61	
ALUNBRIG TABS 26	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 61	amphotericin b IV 18
ALUNBRIG TBPK 26	amoxicillin & pot clavulanate TABS 61	amphotericin b liposome 18
ALVESCO 9	amoxicillin & pot clavulanate TB12 61	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM 61
alvimopan 47	amoxicillin CAPS 60	ampicillin CAPS 500 MG 61
amantadine hcl CAPS 28	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 60	ampicillin sodium IJ 1 GM 61
amantadine hcl SOLN 28	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML ... 61	anagrelide hcl 49
amantadine hcl TABS 28	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML 60	anastrozole 25
ambrisentan 33	amoxicillin TABS 61	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR 7
amcinonide CREA 40	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK 65	ANGELIQ 46
amcinonide LOTN 40	amphetamine sulfate TABS 1	ANNOVERA 35
amcinonide OINT 40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-	ANORO ELLIPTA 10
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML 2		ANZEMET TABS 50 MG 17
amiloride & hydrochlorothiazide ... 44		APIDRA SOLN 16
amiloride hcl TABS 44		APIDRA SOLOSTAR SOPN 16
aminocaproic acid TABS 50		

apomorphine hydrochloride SOCT 28	aspirin TBEC 325 MG 5	AZASITE 59
apraclonidine hcl 59	aspirin TBEC 81 MG 5	AZATHIOPRINE 55
aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG . 18	aspirin-dipyridamole 49	azathioprine TABS 55
aprepitant CAPS 80 MG 18	atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG 30	azelaic acid GEL 42
aprepitant CAPS 18	atazanavir sulfate CAPS 200 MG . 30	azelastine hcl (ophth) 60
aprepitant MISC 18	atenolol & chlorthalidone 20	azelastine hcl 58
APTIOM 11	atenolol TABS 32	AZELEX 37
APTIVUS CAPS 30	ATGAM 55	azithromycin PACK 51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML 49	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG 1	azithromycin SOLR 51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML 49	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG 1	azithromycin SUSR 51
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ... 49	atorvastatin calcium TABS 19	azithromycin TABS 250 MG 51
ARCALYST 3	atovaquone 21	azithromycin TABS 500 MG 51
AREXVY 66	atovaquone-proguanil hcl 22	azithromycin TABS 600 MG 51
arformoterol tartrate 10	atracurium besylate 100 MG/10ML 58	aztreonam 1 GM 22
ARIKAYCE 2	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML 64	bacitracin (ophthalmic) 59
aripiprazole SOLN OR 30	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML 64	bacitracin 21
aripiprazole TABS 30	ATROVENT HFA 9	baclofen TABS 10 MG, 20 MG 57
armodafinil 2	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPK 62	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) 35
ARMOUR THYROID TABS 64	AUSTEDO TABS 62	balsalazide disodium CAPS 47
ARNUITY ELLIPTA 9	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK 62	BALVERSA 26
arsenic trioxide 10 MG/10ML 27	AUSTEDO XR TB24 62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11
ARZERRA 24	AVONEX PEN AJKT 62	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11
ascorbic acid SOLN IJ 69	AVONEX PSKT 62	BARACLUDGE SOLN 31
asenapine maleate 2.5 MG 29	AYVAKIT 25	BASAGLAR KWIKPEN SOPN 16
asenapine maleate 5 MG, 10 MG . 29	azacitidine SUSR 24	BAXDELA SOLR 46
aspirin CHEW 5		BAXDELA TABS 46
aspirin TABS 325 MG 5		BELSOMRA 50
		benazepril & hydrochlorothiazide

12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...20	betamethasone dipropionate augmented LOTN40	bosentan TABS 62.5 MG 33
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG .. 20	betamethasone dipropionate augmented OINT40	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG 26
benazepril hcl20	betamethasone valerate CREA ...40	BOSULIF TABS 400 MG 26
bendamustine hcl SOLR23	betamethasone valerate FOAM ...40	BRAFTOVI 75 MG26
BENEFIX KIT48	betamethasone valerate LOTN40	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)10
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 37	betamethasone valerate OINT40	BREO ELLIPTA 10
BENZEPRO FOAM 5.3 % 37	BETASERON KIT62	BREZTRI AEROSPHERE10
benzonatate 100 MG37	betaxolol hcl (ophth) SOLN 58	BRILINTA49
benzonatate 150 MG37	betaxolol hcl32	brimonidine tartrate (topical) 42
benzonatate 200 MG37	bethanechol chloride 25 MG65	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 59
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %37	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG65	brimonidine tartrate-timolol maleate . 58
benzoyl peroxide GEL 10 %37	bexarotene (topical)39	brinzolamide60
benzoyl peroxide GEL 5 % 37	bexarotene27	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML .. 11
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %37	BEXSERO65	BRIVIACT TABS11
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 37	bicalutamide25	bromfenac sodium (ophth)60
benztropine mesylate SOLN28	BIJUVA46	bromocriptine mesylate CAPS28
benztropine mesylate TABS28	BIKTARVY30	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG 28
bepotastine besilate60	bimatoprost SOLN 60	BRUKINSA26
BESIVANCE59	bisacodyl SUPP51	budesonide (inhalation) SUSP9
betaine45	bisacodyl TBEC51	budesonide (intrarectal)7
betamethasone dipropionate (topical) CREA40	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..20	budesonide (nasal)58
betamethasone dipropionate (topical) LOTN40	bisoprolol fumarate32	budesonide CPEP 36
betamethasone dipropionate (topical) OINT40	bleomycin sulfate 15 UNIT25	budesonide-formoterol fumarate dihydrate10
betamethasone dipropionate augmented CREA40	BOOSTRIX SUSP 64	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...44
	BOOSTRIX SUSY 64	bumetanide TABS 44
	bortezomib SOLR IJ 26	buprenorphine hcl SOLN7
	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..26	buprenorphine hcl SUBL7
	bosentan TABS 125 MG33	

buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7	butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	20
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7	butenafine hcl	38	carbamazepine CHEW	11
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	carbamazepine CP12 100 MG	11
buprenorphine PTWK	7	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	carbamazepine CP12 200 MG	11
bupropion hcl (smoking deterrent)	63	cabergoline	46	carbamazepine CP12 300 MG	11
bupropion hcl TABS	13	CABLIVI	49	carbamazepine SUSP	11
bupropion hcl TB12 100 MG	13	CABOMETYX TABS	26	carbamazepine TABS	11
bupropion hcl TB12 150 MG	13	calcipotriene CREA	39	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12
bupropion hcl TB12 200 MG	13	calcipotriene OINT	39	carbamazepine TB12 200 MG	12
bupropion hcl TB24 150 MG	13	calcipotriene SOLN	39	carbidopa	28
bupropion hcl TB24 300 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	40	carbidopa-levodopa TABS	28
buspirone hcl 5 MG	8	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	40	carbidopa-levodopa TBCR	28
buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8	calcitonin (salmon) NA	44	carbidopa-levodopa TBDP	28
busulfan SOLN	23	calcitriol (topical)	39	carbidopa-levodopa-entacapone .	28
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5	calcitriol CAPS	45	carbinoxamine maleate SOLN	18
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcitriol SOLN IV	45	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	47	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS	47	carisoprodol TABS	57
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	calcium chloride (dihydrate) SOLN	54	carmustine	23
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	calcium polycarbophil TABS	50	carteolol hcl (ophth)	58
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5	CALQUENCE	26	carvedilol	32
		candesartan cilexetil	20	carvedilol phosphate	32
		candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide	20	caspofungin acetate	18
		capecitabine	24	CAYA DPRH	51
		CAPRELSA	26	CAYSTON	22
		captopril 12.5 MG	20	cefaclor CAPS	34
				cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	34
				cefadroxil CAPS	34

cefadroxil SUSR	34	CHEMSTRIP-K STRP	43	ciclopirox olamine SUSP	38
cefadroxil TABS	34	chloramphenicol sodium succinate 22		ciclopirox SHAM	38
cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	34	chlordiazepoxide hcl CAPS	8	ciclopirox SOLN	38
cefdinir CAPS	34	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	64	cidofovir	31
cefdinir SUSR	34	chlordiazepoxide-amitriptyline	62	cilostazol	49
cefepime hcl SOLR IV 2 GM	34	chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	56	CIMDUO	30
cefixime CAPS	34	chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	cimetidine TABS	64
cefixime SUSR	34	chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	cinacalcet hcl	45
cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34	chlorpromazine hcl SOLN	29	CIPRO SUSR	46
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34	chlorpromazine hcl TABS	29	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	59
cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	34	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	44	ciprofloxacin hcl (otic)	60
cefpodoxime proxetil SUSR	34	chlorzoxazone TABS 500 MG	57	ciprofloxacin hcl TABS	46
cefpodoxime proxetil TABS	34	chlorzoxazone TABS 750 MG	58	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	46
cefprozil SUSR	34	CHOLBAM	47	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	46
cefprozil TABS	34	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	69	ciprofloxacin-dexamethasone	60
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	34	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	69	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 60	
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	34	cholestyramine light PACK	19	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	34	cholestyramine light POWD	19	citalopram hydrobromide SOLN ...	13
cefuroxime axetil TABS	34	cholestyramine PACK	19	citalopram hydrobromide TABS 10 MG	13
cefuroxime sodium IJ 750 MG	34	cholestyramine POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG	13
celecoxib	4	choline fenofibrate	19	citalopram hydrobromide TABS 40 MG	13
CELONTIN (methsuximide)	13	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 45		clarithromycin SUSR	51
cephalexin CAPS	34	ciclopirox GEL	38	clarithromycin TABS	51
cephalexin SUSR	34	ciclopirox olamine CREA	38	clarithromycin TB24	51
CERDELGA	49			CLASSIC PRENATAL TABS	56
CEREZYME 400 UNIT	49			clemastine fumarate SYRP	18
cetirizine hcl TABS	18				
cevimeline hcl	56				
CHEMET	17				

clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18	40	clozapine TBDP 25 MG	29
CLIMARA PRO	46	COARTEM	22
clindamycin hcl	22	codeine sulfate TABS 30 MG	5
clindamycin palmitate hydrochloride . 22		CODEINE SULFATE TABS	5
clindamycin phosphate (topical) FOAM	37	colchicine TABS	48
clindamycin phosphate (topical) GEL 37	40	colchicine w/ probenecid	48
clindamycin phosphate (topical) LOTN	37	colesevelam hcl PACK	19
clindamycin phosphate (topical) SOLN	37	colesevelam hcl TABS	19
clindamycin phosphate (topical) SWAB	37	colestipol hcl GRAN	19
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	22	colestipol hcl PACK	19
clindamycin phosphate vaginal CREA	68	colestipol hcl TABS	19
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	37	COMBIPATCH PTTW	46
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	37	COMETRIQ KIT	26
clindamycin phosphate-tretinoin .. 37		COMIRNATY 2023-24 SUSP	66
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 58		COMIRNATY 2023-24 SUSY	66
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 58		COMIRNATY 2024-25 SUSY	66
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 58		COMIRNATY SUSP	66
clobazam SUSP	11	COMPLERA	30
clobazam TABS	11	CONTRACE	1
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 29		COPIKTRA	26
		CORDRAN TAPE	41
		CORLANOR SOLN	34
		CORLANOR TABS (ivabradine hcl) 34	
		CORTISPORIN-TC	60
		COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	39
		COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	39
		COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	39
		COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	39
		CREON CPEP	43

CRESEMBA CAPS 186 MG 18	cyproheptadine hcl SYRP 19	deflazacort TABS 36
cromolyn sodium (ophth) 60	cyproheptadine hcl TABS 19	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate) 46
cromolyn sodium NEBU 9	CYTAGON CAPS 48	DELSTRIGO 30
crotamiton LOTN 42	CYSTARAN 60	demeclocycline hcl TABS 63
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT 56	cytarabine SOLN 24	DEPO-ESTRADIOL 46
cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML 49	dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11	DEPO-MEDROL SUSP 36
cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG 58	dacarbazine SOLR 200 MG 27	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC 36
cyclophosphamide CAPS 23	dactinomycin 25	desipramine hcl TABS 14
cyclophosphamide SOLR IJ 23	dalfampridine 62	desloratadine TABS 18
cycloserine 23	danazol CAPS 7	desloratadine TBDP 2.5 MG 18
cyclosporine (ophth) EMUL 59	dantrolene sodium CAPS 58	desmopressin acetate SOLN IJ ... 45
cyclosporine CAPS 56	dapagliflozin propanediol 16	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA 46
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS 55	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG 15	desmopressin acetate spray 45
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN 55	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG 15	desmopressin acetate spray refrigerated 45
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML . 56	dapsone 22	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 46
CYLTEZO AJKT 3	DAPTACEL 64	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 46
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML 3	daptomycin 500 MG 22	desogestrel & ethinyl estradiol 35
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML 3	darifenacin hydrobromide 65	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) 35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT 3	darunavir TABS 30	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) 35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT 3	dasatinib 26	desonide CREA 41
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT ... 3	DAURISMO 25	desonide LOTN 41
	DEBACTEROL 56	desonide OINT 41
	decitabine 24	desoximetasone CREA 0.25 % ... 41
	deferasirox PACK 17	desoximetasone GEL 41
	deferasirox TABS 17	desoximetasone OINT 0.25 % 41
	deferasirox TBSO 17	
	deferiprone TABS 500 MG 17	
	deflazacort SUSP 36	

desvenlafaxine succinate 100 MG .14	DIACOMIT PACK 250 MG12	MCG 33
desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG 14	DIACOMIT PACK 500 MG12	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML 53
dexamethasone ELIX36	diazepam (anticonvulsant) GEL ... 11	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML 53
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC36	diazepam CONC 8	DILANTIN (phenytoin sodium extended) 12
dexamethasone sodium phosphate (ophth)59	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML 8	DILANTIN12
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML36	diazepam TABS8	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) 12
dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML 36	diazoxide 16	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) . 13
dexamethasone SOLN36	dichlorphenamide 43	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG 32
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG 36	diclofenac epolamine PTCH EX ... 39	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG 32
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG 36	diclofenac potassium TABS 50 MG .4	diltiazem hcl CP12 32
dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX 39	diltiazem hcl CP24 32
dexlansoprazole65	diclofenac sodium (ophth)60	diltiazem hcl extended release beads32
dexmethylphenidate hcl CP24 2	diclofenac sodium (topical) GEL EX 39	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..32
dexmethylphenidate hcl TABS2	diclofenac sodium TB24 4	DILTIAZEM HCL SOLR 33
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG 1	diclofenac sodium TBEC 4	diltiazem hcl TABS33
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG1	diclofenac w/ misoprostol TBEC 4	diltiazem hcl TB24 33
dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	dicloxacin sodium61	dimethyl fumarate CDPK 62
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG 1	dicyclomine hcl CAPS 64	dimethyl fumarate CPDR 62
dextrose in lactated ringers 54	dicyclomine hcl SOLN OR64	DIPENTUM47
DIACOMIT CAPS 250 MG12	dicyclomine hcl TABS64	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18
DIACOMIT CAPS 500 MG12	DIFFERIN LOTN37	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML 18
	DIFICID TABS 51	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML 18
	diflorasone diacetate CREA 41	diphenhydramine hcl SOLN 50
	diflorasone diacetate OINT 41	
	diflunisal TABS 5	
	difluprednate 59	
	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML33	
	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250	

MG/ML	18	doxepin hcl CAPS	14	DUPIXENT SOPN 300 MG/2ML ...	42
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17	doxepin hcl CONC	14	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	42
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxercalciferol CAPS	45	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	42
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS		doxercalciferol SOLN	45	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	42
ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	64	doxorubicin hcl liposomal	25	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN	
dipyridamole	49	doxorubicin hcl SOLN	25	DEVI	51
disopyramide phosphate CAPS	8	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG		DUREX EXTRA SENSITIVE THIN	
disulfiram	61	25	MISC	51
DIURIL SUSP	44	doxycycline (monohydrate) CAPS 50		DUREX TROPICAL MISC	51
divalproex sodium TB24	13	MG, 100 MG	63	dutasteride	48
divalproex sodium TBEC	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 75		dutasteride-tamsulosin hcl	48
docetaxel CONC 20 MG/ML	28	MG	63	econazole nitrate CREA	38
docetaxel SOLN 20 MG/2ML	28	doxycycline (monohydrate) TABS		EDARBI	20
docusate calcium	51	100 MG	63	EDURANT	30
docusate sodium CAPS 100 MG ..	51	doxycycline (monohydrate) TABS 50		efavirenz CAPS 200 MG	30
docusate sodium CAPS 250 MG ..	51	MG, 75 MG	63	efavirenz CAPS 50 MG	30
dofetilide	9	doxycycline hyclate CAPS	63	efavirenz TABS	30
donepezil hydrochloride TABS 10		doxycycline hyclate SOLR	63	efavirenz-emtricitabine-tenofovir	
MG	61	doxycycline hyclate TABS 20 MG,		disoproxil fumarate	30
donepezil hydrochloride TABS 5 MG,		100 MG	63	efavirenz-lamivudine-tenofovir	
23 MG	61	doxylamine-pyridoxine TBEC	17	disoproxil fumarate	30
donepezil hydrochloride TBDP 10		dronabinol CAPS	17	EGRIFTA 2 MG	45
MG	61	drospirenone-ethinyl estradiol	35	EGRIFTA SV	45
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG		drospirenone-ethinyl estradiol-		ELAPRASE	45
61		levomefolate calcium	35	electrolyte-148	54
DOPTelet	49	DROXIA CAPS	49	electrolyte-a	54
dorzolamide hcl	60	DUAVEE	46	ELESTRIN GEL	46
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	58	DULERA	10	eletriptan hydrobromide	54
DOVATO	30	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG,		ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25
doxazosin mesylate	20	60 MG	14	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45	
doxepin hcl (antipruritic)	39	duloxetine hcl CPEP 40 MG	14		
doxepin hcl (sleep)	50	DUPIXENT SOPN 200 MG/1.14ML			
		42			

MG	25	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	66	ERAXIS	18
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	10	ENGERIX-B SUSY	66	ERBITUX	24
ELIQUIS TABS	10	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10	ergocalciferol CAPS	69
ELLA	35	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	10	ergocalciferol SOLN OR	69
ELMIRON CAPS	48	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	10	ergoloid mesylates TABS	62
ELOCTATE	48	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	ERGOMAR SUBL	53
EMCYT	25	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	10	ergotamine w/ caffeine TABS	53
EMFLAZA SUSP (deflazacort)	36	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	10	eribulin mesylate	28
EMFLAZA TABS (deflazacort)	36	ENSPRYNG	56	ERIVEDGE	25
EMGALITY SOAJ	53	entacapone	28	ERLEADA 240 MG	25
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	53	entecavir TABS	31	ERLEADA 60 MG	25
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	53	EPIDIOLEX	12	erlotinib hcl	24
EMSAM	13	epinastine hcl (ophth)	60	ERTACZO	38
emtricitabine CAPS	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	69	ertapenem sodium IJ	21
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	69	erythromycin (acne aid) PADS	37
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30	EPIVIR HBV SOLN	31	erythromycin (acne aid) SOLN	37
EMTRIVA SOLN	30	eplerenone	21	erythromycin (ophth)	59
EMVERM CHEW	8	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49	erythromycin base CPEP	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		epoprostenol sodium	33	erythromycin base TABS	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		EQL PRENATAL FORMULA TABS 56		erythromycin base TBEC	51
enalapril maleate TABS	20	EQUETRO 100 MG	29	erythromycin ethylsuccinate SUSR 51	
ENBREL MINI SOCT	4	EQUETRO 200 MG	29	erythromycin ethylsuccinate TABS 51	
ENBREL SOLN	4	EQUETRO 300 MG	29	escitalopram oxalate SOLN	13
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4			escitalopram oxalate TABS 10 MG 13	
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4			escitalopram oxalate TABS 20 MG 13	
ENBREL SURECLICK SOAJ	4			escitalopram oxalate TABS 5 MG .	13

FIRMAGON	25	fludarabine phosphate SOLR	24	fluoxetine hcl CPDR	14
flavoxate hcl	65	fludrocortisone acetate TABS	37	fluoxetine hcl SOLN	14
flecainide acetate	9	FLULAVAL 2024-2025 SUSY	67	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14	
floxuridine	24	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	67	fluoxetine hcl TABS 20 MG	14
FLUAD 2024-2025	66	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	67	fluphenazine hcl CONC	29
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	66	FLUMIST NASAL VACCINE 2024- 2025	67	fluphenazine hcl ELIX	30
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	66	FLUMIST QUADRIVALENT	67	fluphenazine hcl SOLN	30
FLUARIX 2024-2025 SUSY	66	flunisolide (nasal) 0.025 %	58	fluphenazine hcl TABS	30
FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	66	fluocinolone acetonide (otic)	60	flurandrenolide CREA	41
FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	66	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 41		flurandrenolide LOTN	41
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	66	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	41	flurazepam hcl	50
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2023	66	fluocinolone acetonide OIL	41	flurbiprofen sodium	60
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023- 2024	66	fluocinolone acetonide OINT	41	flurbiprofen TABS	4
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ...	66	fluocinolone acetonide SOLN	41	flutamide	25
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ...	66	fluocinonide CREA 0.05 %	41	fluticasone furoate-vilanterol	10
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	67	fluocinonide CREA 0.1 %	41	fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	67	fluocinonide emulsified base	41	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 58	
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	67	fluocinonide GEL	41	fluticasone propionate CREA 0.05 % 41	
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluocinonide OINT	41	fluticasone propionate hfa	9
fluconazole SUSR	18	fluocinonide SOLN	41	fluticasone propionate LOTN	41
fluconazole TABS	18	fluorometholone (ophth) SUSP	59	fluticasone propionate OINT	41
flucytosine	18	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...	39	fluticasone-salmeterol AEPB	10
fludarabine phosphate SOLN	24	fluorouracil (topical) SOLN	39	fluticasone-salmeterol AERO	10
		fluorouracil 500 MG/10ML	24	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...	19
		fluoxetine hcl CAPS 10 MG	14	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...	19
		fluoxetine hcl CAPS 20 MG	13	fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14	
		fluoxetine hcl CAPS 40 MG	14	fluvoxamine maleate TABS 25 MG,	

50 MG	14	FOSAMAX PLUS D	44	FYCOMPA TABS 2 MG	11
FLUZONE 2024-2025 SUSP	67	fosamprenavir calcium TABS	30	FYCOMPA TABS 4 MG	11
FLUZONE 2024-2025 SUSY	67	fosfomycin tromethamine	22	FYCOMPA TABS 6 MG	11
FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	67	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022- 2023	67	fosinopril sodium	20	gabapentin CAPS	12
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023- 2024	67	fosphenytoin sodium	13	gabapentin SOLN	12
FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	67	FRAGMIN SOSY	11	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	67	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	53	GALAFOLD	45
FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	67	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	53	galantamine hydrobromide CP24 ..	61
FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	67	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	galantamine hydrobromide SOLN ..	61
FML FORTE SUSP	59	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	galantamine hydrobromide TABS ..	61
FML OINT	59	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	60
folic acid TABS	49	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	60
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11		FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	60
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	60
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	53	GAMUNEX-C	60
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11		frovatriptan succinate	54	ganciclovir sodium SOLR	31
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	43	fulvestrant SOSY	25	ganirelix acetate	45
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..43		furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	44	GARDASIL 9 SUSP	67
formoterol fumarate NEBU	10	furosemide TABS	44	GARDASIL 9 SUSY	67
FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	44	FUZEON SOLR	30	gatifloxacin (ophth)	59
				gefitinib	24
				gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	24
				gemfibrozil TABS	19

GENOTROPIN CART SC	45	MG	15	haloperidol lactate SOLN	29
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	45	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15	haloperidol TABS	29
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	48	HAVRIX	67
gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	59	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	64	HEALON PRO SOSY	59
gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	59	glycopyrrolate TABS 1 MG	64	HEMANGEOL SOLN OR	32
gentamicin sulfate (topical) CREA .	38	glycopyrrolate TABS 2 MG	64	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11
gentamicin sulfate (topical) OINT ..	38	GLYXAMBI	15	HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	GNP PRENATAL TABS	56	HEPLISAV-B SOSY	67
GENVOYA	30	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	43	HIBERIX SOLR IJ	65
GILOTRIF	24	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17	HUMATROPE CART IJ	45
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 62		granisetron hcl TABS	17	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	3
glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 62		GRASTEK SUBL	2	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML .	3
GLEOSTINE 10 MG	23	griseofulvin microsize SUSP	18	HUMIRA PEN PNKT	3
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	23	griseofulvin microsize TABS	18	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	3
glimepiride 1 MG, 2 MG	16	griseofulvin ultramicrosize	18	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	3
glimepiride 4 MG	17	guanfacine hcl (adhd)	1	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	3
glipizide TABS 5 MG, 10 MG	17	guanfacine hcl	20	HUMIRA PSKT	3
glipizide TB24	17	GYNAZOLE-1	68	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	15	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	3	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	15	HADLIMA SOSY	3	HYCANTIN CAPS	28
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	43	HAEGARDA SOLR SC	48	hydralazine hcl SOLN	21
glucagon (rdna)	16	HALAVEN (eribulin mesylate)	28	hydralazine hcl TABS	21
glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	17	halcinonide CREA	41	hydrochlorothiazide CAPS	44
glyburide TABS	17	halobetasol propionate CREA	41		
glyburide-metformin 250 MG-1.25		halobetasol propionate OINT	41		
		HALOG OINT	41		
		haloperidol decanoate	29		
		haloperidol lactate CONC	29		

hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 44	hydrocortisone vaginal 69	icatibant acetate SOLN 48
hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG 44	hydrocortisone valerate CREA 41	icatibant acetate SOSY 48
hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .37	hydrocortisone valerate OINT 41	ICLUSIG 26
hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML 6	hydrocortisone w/acetic acid 60	icosapent ethyl 1 GM 19
hydrocodone-acetaminophen SOLN . 6	hydromorphone hcl LIQD 5	idarubicin hcl 20 MG/20ML 26
hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG 6	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 25
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG 6	hydromorphone hcl TABS 5	IDELVION 48
hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG 6	hydromorphone hcl TB24 32 MG ... 5	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML 23
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG 7	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG 5	ifosfamide SOLR 23
hydrocortisone (intrarectal) 7	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22	imatinib mesylate 26
hydrocortisone (rectal) EX 7	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 23	IMBRUVICA CAPS 140 MG 26
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 % 41	hydroxychloroquine sulfate 400 MG 23	IMBRUVICA CAPS 70 MG 26
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 41	hydroxyurea 27	IMBRUVICA SUSP 26
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 % 41	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ... 8	IMBRUVICA TABS 26
hydrocortisone acetate (rectal) 7	hydroxyzine hcl SYRP 8	imipenem-cilastatin IV 21
hydrocortisone butyrate CREA 41	hydroxyzine hcl TABS 8	imipramine hcl TABS 14
hydrocortisone butyrate OINT 41	hydroxyzine pamoate CAPS 8	imipramine pamoate 14
hydrocortisone butyrate SOLN 41	HYPERSAL NEBU 37	imiquimod 5 % 42
hydrocortisone TABS 36	HYQVIA 60	IMPAVIDO 21
	ibandronate sodium SOLN 44	INCRELEX 45
	ibandronate sodium TABS 44	INCRUSE ELLIPTA 9
	IBRANCE CAPS 26	indapamide TABS 1.25 MG 44
	IBRANCE TABS 26	indapamide TABS 2.5 MG 44
	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML 4	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4
	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ... 4	indomethacin CPCR 4
	ibuprofen TABS 800 MG 4	INFANRIX 64
		INFLECTRA SOLR 47
		INGREZZA CAPS 62
		INGREZZA CPPK 62

INGREZZA CPSP	62	irrigation solutions, physiological ..	56	JEVTANA	28
INLYTA	24	ISENTRESS CHEW	30	JIVI	48
INREBIC	26	ISENTRESS HD TABS	30	JULUCA	30
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN .	16	ISENTRESS TABS	30	JYNARQUE TBPK	46
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	54	KALYDECO TABS	63
INSULIN ASPART		ISOLYTE-S	54	KAMELEON LUBRICATED MISC .	51
PROTAMINE/INSULIN ASPART		isoniazid SOLN	23	KANJINTI	24
FLEXPEN SUPN	16	isoniazid SYRP	23	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9%	
INSULIN ASPART		isoniazid TABS	23	(potassium chloride in dextrose &	
PROTAMINE/INSULIN ASPART		isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10		sodium chloride)	54
SUSP	16	MG, 20 MG, 30 MG	8	KEPIVANCE 6.25 MG	27
INSULIN ASPART SOLN IJ	16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl		KESIMPTA	62
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH		33		ketoconazole (topical) CREA	38
SOPN	16	isosorbide mononitrate TABS	8	ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	38
INSULIN DEGLUDEC SOLN	16	isosorbide mononitrate TB24	8	ketoconazole	18
INTELENCE 25 MG	30	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,		KETONE STRP	43
INTRAROSA	68	40 MG	37	KETONE TEST STRIPS STRP ...	43
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	54	isradipine CAPS	33	ketoprofen CAPS 50 MG	4
IOPIDINE	59	itraconazole CAPS	18	ketorolac tromethamine (ophth) ...	60
IPOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	54	itraconazole SOLN	18	ketorolac tromethamine TABS	4
IOPIDINE	59	ivabradine hcl TABS	34	KETOSTIX STRP	43
IPOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	54	ivermectin (pediculicide)	42	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	
IOPIDINE	59	ivermectin	8	60	
IPOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	54	IXEMPRA KIT 15 MG	28	KEVZARA SOAJ	3
IOPIDINE	59	JAKAFI	26	KEVZARA SOSY	4
IPOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	54	JANUMET TABS	15	KIMONO COLORS DEVI	51
IOPIDINE	59	JANUMET XR TB24 1000 MG-100		KIMONO LUBRICATED MISC	51
IPOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	54	MG	15	KIMONO MAXX/LARGE FLARE	
IOPIDINE	59	JANUMET XR TB24 1000 MG-50		MISC	51
IPOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	54	MG, 500 MG-50 MG	15	KIMONO MICRO THIN PLUS	
IOPIDINE	59	JANUVIA	16	SPERMICIDE LUBRICATED MISC	
IPOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	54	JARDIANCE	16	51	

KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC51	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 32	leflunomide 4
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 52	labetalol hcl TABS 300 MG32	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG 55
KIMONO PS LUBRICATED MISC .52	lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 12	lenalidomide 20 MG55
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 52	lacosamide TABS12	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ...24
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC52	lactated ringer's (irrigation)56	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ... 24
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 52	lactated ringer's54	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ...24
KIMONO SPECIAL DEVI52	lactic acid (ammonium lactate) CREA42	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ...24
KINRIX SUSY64	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %42	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ...24
KISQALI26	lactulose (encephalopathy)47	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ...24
KISQALI FEMARA 200 DOSE26	lactulose SOLN 50	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE24
KISQALI FEMARA 400 DOSE26	laminovudine (hbv) TABS 31	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE24
KISQALI FEMARA 600 DOSE26	laminovudine SOLN 30	letrozole 25
KLARITY-A59	laminovudine TABS 150 MG 30	leucovorin calcium SOLR27
KOGENATE FS KIT48	laminovudine TABS 300 MG 30	leucovorin calcium TABS27
KOSELUGO26	laminovudine-zidovudine30	LEUKERAN 23
KOVALTRY48	lamotrigine CHEW 25 MG 12	LEUKINE SOLR IJ49
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS56	lamotrigine CHEW 5 MG12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML25
KRINTAFEL23	lamotrigine TABS 12	levalbuterol hcl 10
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI52	lamotrigine TBP 12	levalbuterol tartrate10
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...52	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)33	LEVEMIR FLEXPEN SOPN 16
KYLEENA 36	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)33	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN16
KYPROLIS 26	lansoprazole CPDR 15 MG65	LEVEMIR SOLN 16
labetalol hcl SOLN32	lansoprazole CPDR 30 MG65	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12
	lanthanum carbonate CHEW 47	levetiracetam TABS 1000 MG 12
	lapatinib ditosylate26	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG 12
	LASTACFT60	levetiracetam TABS 500 MG 12
	latanoprost SOLN60	levetiracetam TB24 12

levobunolol hcl 0.5 %	58	lidocaine PTCH 5 %	42	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		lidocaine-prilocaine CREA	42	lorazepam TABS 1 MG	8
levocetirizine dihydrochloride TABS 18		LILETTA 20.1 MCG/DAY	36	LORBRENA	26
levofloxacin (ophth) 0.5 %	59	lincomycin hcl	22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	21
levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	46	linezolid SUSR	22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG	20
levofloxacin SOLN OR	46	linezolid TABS	22	LOTEMAX OINT	59
levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG	47	LINZESS	47	loteprednol etabonate GEL	59
levofloxacin TABS 500 MG	47	liothyronine sodium SOLN	64	loteprednol etabonate SUSP	59
levonorgestrel & eth estradiol TABS 35		liothyronine sodium TABS	64	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG	19
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	35	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1		lovastatin TABS 40 MG	19
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	35	lisdexamfetamine dimesylate CHEW 1		loxapine succinate	29
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG	35	lisinopril & hydrochlorothiazide	20	lubiprostone	47
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	35	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	20	LUCEMYRA (lofexidine hcl)	61
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron	35	lithium	29	luliconazole	38
levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	lithium carbonate CAPS	29	LUMIZYME	45
levothyroxine sodium TABS	64	lithium carbonate TABS	29	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25
LEXIVA SUSP	30	lithium carbonate TBCR	29	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25
lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	51	LO LOESTRIN FE TABS	35	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	25
lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	56	lofexidine hcl	61	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	25
lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	56	LOKELMA	56	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	45
lidocaine hcl GEL 2 %	42	loperamide hcl CAPS	17	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	45
lidocaine hcl PRSY	42	lopinavir-ritonavir SOLN	30	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	45
lidocaine hcl SOLN	42	lopinavir-ritonavir TABS	30	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60	
		loratadine CAPS	18		
		loratadine CHEW	18		
		loratadine SOLN	18		
		loratadine TABS	18		
		loratadine TBDP	18		
		lorazepam CONC	8		

MG, 120 MG	29	megestrol acetate TABS	25	metformin hcl TABS 850 MG	15
lurasidone hcl 80 MG	29	MEKINIST SOLR	26	metformin hcl TB24 500 MG	16
LYNPARZA TABS	26	MEKINIST TABS	26	metformin hcl TB24 750 MG	15
LYSODREN	25	MEKTOVI	26	methadone hcl CONC5
mafenide acetate PACK	40	meloxicam TABS	4	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML	.5
magnesium sulfate IJ 50 %	55	melphalan	23	METHADONE HCL SOLN IJ5
malathion	42	melphalan hcl IV	23	methadone hcl SOLN OR 10	
maraviroc TABS 150 MG	30	memantine hcl TABS	61	MG/5ML	5
maraviroc TABS 300 MG	30	MENACTRA	65	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML	5
MARPLAN	13	MENEST	46	methadone hcl TABS 10 MG5
MASONATAL TABS	57	MENOSTAR PTWK	46	methadone hcl TABS 5 MG5
MATULANE	27	MENQUADFI	65	methadone hcl TBSO	5
MAXIDEX SUSP OP	59	MENVEO SOLN	65	methamphetamine hcl	1
MAXX LUBRICATED MISC	52	MENVEO SOLR	65	methazolamide TABS	43
MAXX PLUS SPERMICIDE		meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML,		methenamine hippurate	22
LUBRICATED MISC	52	50 MG/ML, 100 MG/ML	5	methimazole TABS	64
meclizine hcl TABS 12.5 MG	17	meperidine hcl SOLN OR 50		METHITEST TABS	7
meclizine hcl TABS 25 MG	17	MG/5ML	5	methocarbamol TABS 500 MG, 750	
meclofenamate sodium CAPS	4	meperidine hcl TABS 50 MG	5	MG	58
MEDROL TABS	36	meprobamate	8	METHOTREXATE	3
medroxyprogesterone acetate		mercaptopurine TABS	24	methotrexate sodium SOLN 50	
(contraceptive) SUSP IM	36	meropenem	21	MG/2ML, 250 MG/10ML	24
medroxyprogesterone acetate		mesalamine CP24	47	methotrexate sodium SOLR	24
(contraceptive) SUSY IM	36	mesalamine CPDR	47	methotrexate sodium TABS 2.5 MG	
medroxyprogesterone acetate 10 MG		mesalamine ENEM	47	24	
.....	61	mesalamine SUPP	47	methoxsalen rapid	39
medroxyprogesterone acetate 2.5		mesalamine TBEC 1.2 GM	47	methscopolamine bromide	64
MG, 5 MG	61	mesalamine TBEC 800 MG	47	methsuximide	13
mefenamic acid CAPS	4	metaxalone 800 MG	58	methyl dopa TABS	20
mefloquine hcl	23	metformin hcl TABS 1000 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 10 MG	.2
megestrol acetate (appetite)	61	metformin hcl TABS 500 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG	2
megestrol acetate SUSP	25				

methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG21	mirtazapine TABS 30 MG13
methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG21	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG 13
methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG2	metoprolol succinate TB24 200 MG 32	mirtazapine TBDP 15 MG13
methylphenidate hcl CP24 30 MG ..2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG32	mirtazapine TBDP 30 MG13
methylphenidate hcl CP242	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML32	mirtazapine TBDP 45 MG13
methylphenidate hcl CPRC2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG32	misoprostol65
methylphenidate hcl SOLN2	metronidazole (topical) CREA42	mitomycin SOLR IV 20 MG26
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 42	mitoxantrone hcl 2 MG/ML26
methylphenidate hcl TABS 5 MG ...2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..42	M-M-R II SOLR68
methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG2	metronidazole (topical) LOTN42	M-NATAL PLUS TABS57
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG2	metronidazole TABS21	modafinil 100 MG2
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG2	metronidazole vaginal69	modafinil 200 MG2
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG2	mexiletine hcl8	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP68
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG2	micafungin sodium18	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP . 68
methylphenidate PTCH2	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG69	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY . 68
methylprednisolone acetate SUSP 36	midodrine hcl69	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP68
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG36	miglitol15	moexipril hcl20
methylprednisolone TABS36	miglustat49	mometasone furoate (nasal) SUSP 58
methylprednisolone TBPK36	minocycline hcl CAPS63	mometasone furoate CREA41
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML47	minocycline hcl TABS63	mometasone furoate OINT41
metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML47	minoxidil 2.5 MG, 10 MG21	mometasone furoate SOLN41
metoclopramide hcl TABS47	MIRCERA49	montelukast sodium CHEW9
metolazone44	MIRENA36	montelukast sodium PACK9
	mirtazapine TABS 15 MG13	montelukast sodium TABS9
		morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG,

100 MG	5	naftifine hcl CREA 2 %	38	NEONATAL COMPLETE TABS 120	
morphine sulfate SOLN IJ 0.5		NAGLAZYME	45	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10	
MG/ML, 1 MG/ML	5	nalbuphine hcl	7	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-	
morphine sulfate SOLN OR 10		naloxone hcl LIQD	17	27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2	
MG/5ML	5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4		MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	57
morphine sulfate SOLN OR 20		MG/10ML	17	NEONATAL PLUS TABS	57
MG/5ML	5	naltrexone hcl	17	NEONATAL PRENATAL VITAMIN	
morphine sulfate TABS	6	naproxen sodium TABS 550 MG ...	4	TABS	57
morphine sulfate TBCR	6	naproxen SUSP	4	NEONATAL VITAMIN TABS	57
MOTOFEN	17	naproxen TABS	4	neostigmine methylsulfate SOSY ..	23
MOVANTIK	47	naproxen TBEC 500 MG	4	NEO-SYNALAR	38
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	59	naratriptan hcl	54	NEUPRO	28
moxifloxacin hcl in sodium chloride		NATAACYN	59	NEVANAC	60
47		NATAZIA	35	nevirapine SUSP	30
moxifloxacin hcl TABS	47	nateglinide	16	nevirapine TABS	31
MOZOBIL (plerixafor)	50	NAYZILAM	11	nevirapine TB24 100 MG	31
MULPLETA	49	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG		nevirapine TB24 400 MG	31
MULTI PRENATAL TABS	57	32		NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole	
mupirocin OINT	38	nebivolol hcl 20 MG	32	magnesium)	65
MVASI	24	NEBUSAL NEBU	37	NEXPLANON	36
MYALEPT	45	nefazodone hcl	14	NEXTSTELLIS	35
mycophenolate mofetil CAPS	56	nelarabine	24	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19
mycophenolate mofetil TABS	56	neomycin sulfate TABS	2	niacin CPCR 250 MG, 500 MG	69
mycophenolate sodium	56	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	59	niacin TABS	69
MYLERAN TABS	23	neomycin-polymy-dexameth OINT	59	niacin TBCR	69
nabumetone	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP	59	NIACIN TR TBCR	69
nadolol TABS 20 MG	32	59		niacinamide TABS 100 MG	69
nadolol TABS 40 MG	32	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	59	niacinamide TABS 500 MG	69
nadolol TABS 80 MG	32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	60	nicardipine hcl CAPS	33
nafcillin sodium IV 10 GM	61	60		nicardipine hcl SOLN	33
naftifine hcl CREA 1 %	38	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	60	nicotine MISC XX	63
		36		nicotine polacrilex GUM	63

nicotine polacrilex LOZG	63	NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 30 MG/3ML	45	NORVIR PACK	31
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	63	NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	45	NORVIR SOLN	31
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	63	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	35	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	43
NICOTROL INHALER INHA	63	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	68
NICOTROL NS SOLN	63	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	35	NOVOEIGHT	48
nifedipine CAPS 10 MG	33	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	35	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16
nifedipine CAPS 20 MG	33	norethindrone & eth estradiol	35	NOVOLIN 70/30 SUSP	16
nifedipine TB24 60 MG	33	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 35		NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
nifedipine TB24 90 MG	33	norethindrone (contraceptive)	36	NOVOLIN N SUSP	16
nifedipine TB24	33	norethindrone acet & eth estra TABS 35		NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
nilutamide	25	norethindrone acetate TABS	61	NOVOLIN R SOLN IJ	16
nimodipine CAPS	33	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	46	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
NINLARO	26	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	35	NP THYROID 120 TABS	64
NIPENT	27	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	35	NP THYROID 15 TABS	64
nisoldipine	33	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	35	NP THYROID 30 TABS	64
nitazoxanide TABS	21	norgestimate-ethinyl estradiol	35	NP THYROID 60 TABS	64
nitisinone CAPS	45	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	35	NP THYROID 90 TABS	64
NITRO-BID OINT	8	NORMOSOL-M/D5W	54	NUBEQA	25
nitrofurantoin	22	NORMOSOL-R	54	NUCALA SOAJ	9
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	22	nortriptyline hcl CAPS	14	NUCALA SOLR	9
nitrofurantoin monohyd macro	22	nortriptyline hcl SOLN	14	NUCALA SOSY 100 MG/ML	9
nitroglycerin (intra-anal)	7	NORVIR CAPS	31	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9
nitroglycerin CPCR	8			NUCYNTA ER TB12	6
nitroglycerin PT24	8			NUCYNTA TABS	6
NITROGLYCERIN SOLN IV	8			NUEDEXTA	62
nitroglycerin SUBL	8			NULOJIX	56
NIVA-PLUS TABS	57			nystatin (mouth-throat)	56
nizatidine CAPS	64			nystatin (topical) CREA	38
				nystatin (topical) OINT	38

nystatin (topical) POWD EX	39	omeprazole TBEC	65	oseltamivir phosphate SUSR	32
nystatin TABS	18	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	65	OSMOPREP	51
nystatin-triamcinolone CREA	39	OMNIFLEX DIAPHRAGM	52	OSPHENA	45
nystatin-triamcinolone OINT	39	ONCASPAR	27	OTEZLA TABS	4
NYVEPRIA	49	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		OTEZLA TBPK	4
octreotide acetate SOLN	46	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	17	oxacillin sodium IV 10 GM	61
ODEFSEY	31	ondansetron hcl SOSY	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23
ODOMZO	25	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxandrolone	7
OFEV	63	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxaprozin TABS	4
ofloxacin (ophth)	59	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxazepam CAPS	8
ofloxacin (otic)	60	ondansetron TBDP 4 MG	17	OXBRYTA TABS 500 MG	49
ofloxacin 300 MG, 400 MG	47	ondansetron TBDP 8 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12
OGIVRI	24	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	57	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
olanzapine SOLR	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	57	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	53	oxiconazole nitrate CREA	39
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	53	OXISTAT LOTN	39
olanzapine TBDP 20 MG	29	OPILL	36	oxybutynin chloride SOLN	65
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29	OPSUMIT	33	oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	65
olmesartan medoxomil	20	ORENITRAM TBCR	33	oxybutynin chloride TB24	65
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	21	ORLISSA	45	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	21	ORKAMBI PACK	63	oxycodone hcl TABS	6
olopatadine hcl (nasal)	58	ORKAMBI TABS	63	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7
olopatadine hcl 0.1 %	60	ORLADEYO	49	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7
olopatadine hcl 0.2 %	60	orphenadrine citrate TB12	58	oxymorphone hcl TABS	6
omega-3-acid ethyl esters	19	oseltamivir phosphate CAPS	32	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6
omeprazole CPDR	65			oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5	

MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	paroxetine hcl TABS 40 MG 14	penicillin v potassium TABS 61
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML16	paroxetine hcl TB24 12.5 MG14	PENTACEL64
OZEMPIC SOPN16	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG14	pentazocine w/ naloxone hcl 7
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML28	PASER PACK23	pentoxifylline 49
paclitaxel protein-bound particles .28	pazopanib hcl26	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .20
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG .29	PEDIARIX SUSY64	perindopril erbumine 4 MG 20
paliperidone 6 MG 29	pediatric multivitamins w/fl CHEW .56	PERJETA24
palonosetron hcl SOLN 17	PEDVAX HIB SUSP 65	permethrin CREA 42
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML 44	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid50	permethrin LIQD EX 42
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 44	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM50	perphenazine TABS 30
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT43	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride50	perphenazine-amitriptyline62
PANRETIN 39	PEGASYS SOLN 31	PERSERIS PRSY29
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 65	PEGASYS SOSY 31	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP 68
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 65	PEMAZYRE26	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP 68
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A35	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 68
paricalcitol CAPS45	penciclovir40	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP68
paricalcitol SOLN45	penicillamine CAPS55	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP68
paroxetine hcl SUSP14	penicillamine TABS 55	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP68
paroxetine hcl TABS 10 MG 14	penicillin g potassium 5000000 UNIT 61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..68
paroxetine hcl TABS 20 MG 14	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML61	PHEBURANE PLLT 45
paroxetine hcl TABS 30 MG 14	PENICILLIN G PROCAINE 61	phenazopyridine hcl TABS 100 MG,
	penicillin g sodium61	
	penicillin v potassium SOLR61	

100 MG, 200 MG	48	pirfenidone CAPS	63	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	55
phendimetrazine tartrate TABS	1	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 63		potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	55
phenelzine sulfate	13	pirfenidone TABS 534 MG	63	potassium chloride microencapsulated crystals er	55
phenobarbital ELIX	50	piroxicam CAPS	4	potassium chloride PACK OR 20 MEQ	55
phenobarbital TABS	50	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	54	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 55	
phenoxybenzamine hcl	20	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	54	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	55
phentermine hcl CAPS	1	PLEGRIDY SOPN	62	potassium chloride TBCR	55
phenytoin CHEW	13	PLEGRIDY SOSY SC	62	POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	55
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOPN . 62		POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	55
phenytoin sodium SOLN	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	62	potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 48	
phenytoin SUSP	13	plerixafor	50	potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML	55
PHEXXI	69	PNEUMOVAX 23	65	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	38
PHOSLYRA SOLN	47	PNEUMOVAX 23/1 DOSE	65	pralatrexate 20 MG/ML	24
PHOTOFRIN	27	podofilox SOLN	42	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	28
PIFELTRO	31	polymyxin b sulfate SOLR	22	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	28
pilocarpine hcl (oral)	56	polymyxin b-trimethoprim	59	prasugrel hcl	49
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 58		POMALYST	25	pravastatin sodium	19
pimecrolimus	42	posaconazole SUSP	18	praziquantel	8
pimozide	62	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 55			
pindolol TABS	32	potassium bicarbonate TBEF	55		
pioglitazone hcl	16	potassium chloride CPCR	55		
pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	55		
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15					
piperacillin sodium-tazobactam sodium	61				
PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	26				
PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	27				
PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	27				

prazosin hcl CAPS	20	PREMARIN TABS	46	primidone 50 MG, 250 MG	12
PRECISION XTRA	43	PREMPHASE	46	PRIORIX SUSR	68
PRED MILD	59	PREMPRO	46	PROAIR DIGIHALER	10
PRED-G SUSP	59	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS		PROAIR RESPICLICK AEPB	10
prednicarbate OINT	41	57		probenecid	48
prednisolone acetate (ophth)	59	PRENATAL ONE DAILY TABS ...	57	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML .	8
PREDNISOLONE SODIUM		PRENATAL PLUS TABS	57	prochlorperazine	30
PHOSPHATE	59	PRENATAL PLUS VITAMIN		prochlorperazine maleate TABS ...	30
prednisolone sodium phosphate		ANDMINERAL TABS	57	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000	
SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10		PRENATAL TABS	57	UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000	
MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML		PRENATAL VITAMIN & MINERAL		UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49
36		TABS	57	PROCRIT 40000 UNIT/ML	49
prednisolone sodium phosphate		PRENATAL VITAMIN TABS	57	progesterone CAPS	61
TBDP	36	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	57	PROGRAF PACK	56
prednisolone SOLN	36	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW		PROGRAF SOLN	56
prednisolone TABS	36	IRON TABS	57	PROLASTIN-C SOLN	63
prednisone SOLN	36	PRENATAL VITAMINS TABS 100		PROLEUKIN	27
prednisone TABS 1 MG, 5 MG	36	MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6		PROLIA SOSY	44
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20		MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95		PROMACTA PACK	49
MG, 50 MG	36	MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200		PROMACTA TABS	49
prednisone TBPK	36	MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800		promethazine hcl SOLN OR 6.25	
PREFEST	46	MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20		MG/5ML	19
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	62	MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-		promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25	
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165		4000 UNIT-30 UNIT	57	MG	19
MG	62	PRENATRIX TABS	57	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	19
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG		PRENATRYL TABS	57	promethazine hcl TABS	19
12		PREVNAR 13	65	propafenone hcl CP12	9
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75		PREVNAR 20	65	propafenone hcl TABS	9
MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	PREZCOBIX	31	proparacaine hcl	59
pregabalin SOLN	12	PREZISTA SUSP	31	propranolol hcl CP24	32
PREHEVBRIO	68	PREZISTA TABS (darunavir)	31	propranolol hcl SOLN OR 20	
PREMARIN	69	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	31		
PREMARIN SOLR	46	PRIFTIN	23		
		primaquine phosphate TABS	23		

MG/5ML, 40 MG/5ML	32	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG	21	RELENZA DISKHALER	32
propranolol hcl TABS	32	quinidine sulfate TABS	8	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	53
propylthiouracil	64	quinine sulfate CAPS 324 MG	23	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	53
protriptyline hcl	14	QUZYTIR SOLN IV	19	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	53
PROVISC SOSY	59	QVAR REDIHALER	9	RELION KETONE TEST STRIPS STRP	43
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	57	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	43
PULMOZYME	63	RA PRENATAL TABS	57	RENFLIXIS	47
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	57	rabeprazole sodium TBEC	65	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16
pyrazinamide	23	raloxifene hcl	45	repaglinide 2 MG	16
pyridostigmine bromide SOLN OR	23	ramelteon	50	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	19
pyridostigmine bromide TABS 60 MG	23	ramipril CAPS	20	REPATHA SOSY	19
pyridostigmine bromide TBCR	23	ranitidine hcl TABS 150 MG	64	REPATHA SURECLICK SOAJ	19
pyrimethamine	23	ranolazine TB12 1000 MG	8	RETACRIT	49
QC PRENATAL TABS	57	ranolazine TB12 500 MG	8	RETEVMO CAPS	27
QINLOCK	27	rasagiline mesylate	28	RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	31
QUADRACEL SUSP	64	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	52	REXULTI	30
QUADRACEL SUSY	64	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	52	ribavirin (hepatitis c) CAPS	31
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	29	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52		ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 31	
quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	29	REBIF REBIDOSE SOAJ	62	RIDAURA	3
quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	62	rifabutin	23
quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	29	REBIF SOSY	62	rifampin CAPS	23
quinapril hcl 20 MG, 40 MG	20	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	62	rifampin SOLR	23
quinapril hcl 5 MG, 10 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSP	68	riluzole TABS	58
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	21	RECOMBIVAX HB SUSY	68	rimantadine hydrochloride TABS ..	32
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	21	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	7	ringer's	55
		REGRANEX	42		

ringer's irrigation	56	RUBRACA	27	31	
RINVOQ TB24	3	rufinamide SUSP	12	SEREVENT DISKUS	10
risedronate sodium TABS 150 MG	44	rufinamide TABS 200 MG	12	sertraline hcl CONC	14
risedronate sodium TABS 35 MG	.44	rufinamide TABS 400 MG	12	sertraline hcl TABS 100 MG	14
risedronate sodium TABS 5 MG, 30	MG	RUKOBIA	31	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG	14
.....	44	RUXIENCE	24	sevelamer carbonate PACK	47
risedronate sodium TBEC	44	RYBELSUS TABS	16	sevelamer carbonate TABS	47
RISPERDAL CONSTA (risperidone	microspheres)	salsalate	5	SHINGRIX	68
.....	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	.46	SIGNIFOR	46
risperidone microspheres	29	SANTYL OINT	42	sildenafil citrate (pulmonary	hypertension) SOLN
risperidone SOLN	29	sapropterin dihydrochloride	PACK	33
risperidone TABS	29	sapropterin dihydrochloride	TABS	45
risperidone TBDP	29	SAVELLA TABS	62	sildenafil citrate (pulmonary	hypertension) SUSR
ritonavir TABS	31	SAVELLA TITRATION PACK MISC	62	34
rivastigmine tartrate CAPS	62	saxagliptin hcl	16	sildenafil citrate (pulmonary	hypertension) TABS
rizatriptan benzoate TABS 10 MG	.54	16	33
rizatriptan benzoate TABS 5 MG	..54	saxagliptin-metformin hcl 1000	MG-	silodosin	48
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	.54	2.5 MG	15	silver sulfadiazine	40
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG	..54	saxagliptin-metformin hcl 1000	MG-5	SIMPONI ARIA SOLN	3
roflumilast	9	MG, 500 MG-5 MG	15	SIMULECT	56
romidepsin SOLR	27	SCEMBLIX 100 MG	27	simvastatin TABS	19
ropinirole hydrochloride TABS28	SCEMBLIX 20 MG	27	sirolimus TABS	56
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG,	4 MG, 6 MG	SCEMBLIX 40 MG	27	SIRTURO	23
.....	28	scopolamine	17	SIVEXTRO TABS	22
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG,	12 MG	SELECT INSULIN SYRINGES	...53	SKYLA	36
.....	28	SELECT LANCETS	53	SKYRIZI PEN SOAJ	39
rosuvastatin calcium TABS	19	selegiline hcl CAPS	29	SKYRIZI PSKT	39
ROTARIX SUSP	68	selegiline hcl TABS	29	SKYRIZI SOCT	47
ROTARIX SUSR	68	selenium sulfide LOTN 2.5 %40	SKYRIZI SOLN	47
ROTATEQ SOLN	68	SELZENTRY SOLN	31	SKYRIZI SOSY	39
ROZLYTREK CAPS	27	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG			

SLYND	36	SORBITOL 3 %	48	STENDRA	33
SM PRENATAL VITAMINS TABS	57	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	48	STIMATE SOLN NA	46
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	54	sotalol hcl (afib/afi)	32	STIOLTO RESPIMAT	10
sodium acetate SOLN	54	sotalol hcl TABS 240 MG	32	STIVARGA	27
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	48	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	32	STRENSIQ	45
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	37	SOVALDI TABS 200 MG	31	streptomycin sulfate SOLR	2
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	55	SOVALDI TABS 400 MG	31	STRIBILD	31
sodium citrate & citric acid	48	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	68	STRIVERDI RESPIMAT	10
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	55	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	68	SUBSYS LIQD 100 MCG	6
sodium phenylbutyrate POWD	45	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	68	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6
sodium phenylbutyrate TABS	45	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	68	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	6
sodium polystyrene sulfonate POWD 56	56	spinosad	42	sucralfate SUSP	64
sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML	56	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate)	9	sucralfate TABS	64
sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate	50	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	sulconazole nitrate CREA	39
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	31	spironolactone & hydrochlorothiazide	44	sulconazole nitrate SOLN	39
solifenacin succinate TABS	65	spironolactone TABS	44	sulfacetamide sodium (acne)	38
SOLIQUA 100/33	15	SPRAVATO 56MG DOSE	13	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN	59
SOLOSEC	2	SPRAVATO 84MG DOSE	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	38
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	36	SPRYCEL (dasatinib)	27	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	38
SOLU-CORTEF 250 MG	36	stannous fluoride CONC	56	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	38
SOLU-MEDROL 2 GM	36	stavudine CAPS	31	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	38
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	45	STELARA 130 MG/26ML	47	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	59
sorafenib tosylate	27	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	39	sulfadiazine TABS	63
		STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	40	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21
		STELARA SOSY 90 MG/ML	39		

sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	tacrolimus (topical) OINT	42	temazepam 15 MG, 30 MG	50
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus CAPS	56	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	50
SULFAMYLON CREA	40	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	34	TEMODAR SOLR	23
sulfasalazine TABS	47	tadalafil 5 MG	33	temozolomide CAPS	23
sulfasalazine TBEC	47	TAFINLAR CAPS	27	temsirolimus	27
sulindac TABS	4	TAFINLAR TBSO	27	TENIVAC INJ	64
sumatriptan	54	tafluprost	60	tenofovir disoproxil fumarate TABS 31	
sumatriptan succinate SOAJ	54	TAGRISSO 40 MG	24	terazosin hcl	20
sumatriptan succinate SOCT	54	TAGRISSO 80 MG	24	terbinafine hcl TABS	18
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	54	TAKHZYRO SOLN	49	terbutaline sulfate SOLN	10
sumatriptan succinate TABS	54	TAKHZYRO SOSY	49	terbutaline sulfate TABS	10
sumatriptan-naproxen sodium	53	TALZENNA	27	terconazole vaginal CREA	69
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	27	tamoxifen citrate TABS	25	terconazole vaginal SUPP	69
sunitinib malate 37.5 MG	27	tamsulosin hcl	48	teriflunomide	62
SUNOSI 150 MG	1	TASIGNA 150 MG, 200 MG	27	teriparatide (recombinant) SOPN ..	44
SUNOSI 75 MG	1	TASIGNA 50 MG	27	TERIPARATIDE SOPN	44
SYNAREL	45	tavaborole	39	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7
SYNERA PTCH	42	TAVALISSE	49	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
SYNJARDY TABS	15	tazarotene CREA 0.1 %	40	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TAZVERIK	27	TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	64
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	TDVAX SUSP	64	tetrabenazine	62
SYNRIBO	27	TEFLARO	35	tetracycline hcl CAPS	63
SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	64	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		THALOMID	55
TABLOID	24	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		theophylline ELIX	10
TABRECTA	27	TEGSEDI	63	theophylline SOLN	10
		telmisartan	20	theophylline TB12	10
		telmisartan-amlodipine	21	theophylline TB24	10
		telmisartan-hydrochlorothiazide ..	21	THERANATAL CORE NUTRITION	

TABS	57	tolmetin sodium TABS 600 MG	4	trazodone hcl TABS	14
THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	48	TOLSURA CAPS	18	TRECATOR	23
THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)	48	tolterodine tartrate CP24	65	TRELEGY ELLIPTA	10
thioridazine hcl	30	tolterodine tartrate TABS	65	TRELSTAR MIXJECT	25
thiotepa 15 MG	23	tolvaptan TABS	46	TREMFYA SOPN	40
thiothixene	30	topiramate CPSP 15 MG	12	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	40
THYMOGLOBULIN	56	topiramate CPSP 25 MG	12	treprostinil SOLN IJ	33
THYROGEN 0.9 MG	43	topiramate CS24	12	tretinoin (chemotherapy)	27
tiagabine hcl	12	topiramate TABS 200 MG	12	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	38
TIBSOVO	27	topiramate TABS 25 MG, 100 MG	12	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	38
tigecycline	63	topiramate TABS 50 MG	12	tretinoin microsphere 0.1 %	38
timolol maleate (ophth) SOLG	58	topotecan hcl SOLN	28	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	24
timolol maleate (ophth) SOLN	58	topotecan hcl SOLR	28	triamcinolone acetonide (mouth)	56
timolol maleate TABS	32	toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	58
tiopronin TBEC 100 MG	48	toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	41
tiopronin TBEC 300 MG	48	torsemide TABS	44	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	41
tiotropium bromide monohydrate CAPS	9	TRACLEER TBSO	33	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	41
TIVICAY TABS	31	tramadol hcl TABS 50 MG	6	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	42
tizanidine hcl CAPS	58	tramadol hcl TB24	6	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	41
tizanidine hcl TABS	58	tramadol-acetaminophen	7	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	42
tobramycin (ophth) SOLN	59	trandolapril 1 MG, 2 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	42
tobramycin NEBU	2	trandolapril 4 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	36
tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	21		
tobramycin-dexamethasone SUSP 59		trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	21		
TODAY SPONGE MISC	68	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	50		
tolcapone	28	tranexamic acid TABS	50		
tolmetin sodium CAPS	4	tranylcypromine sulfate	13		
		travoprost SOLN	60		
		TRAZIMERA	24		

triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	44	TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP 43	TUKYSA	24
triamterene & hydrochlorothiazide TABS	44	TRUETRACK TEST STRP	TURALIO	27
triamterene CAPS	44	TRULICITY	TUZISTRA XR	37
triazolam	50	TRUMENBA	TWINRIX SUSY	68
TRICARE TABS	57	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	TWIRLA	35
trientine hcl 250 MG	55	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	TYBLUME CHEW	35
trifluoperazine hcl TABS	30	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	TYBOST	31
trifluridine	59	TRUSTEX LUBRICATED MISC ..	TYMLOS	44
trihexyphenidyl hcl SOLN	28	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	33
trihexyphenidyl hcl TABS	28	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	TYVASO SOLN IN	33
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	33
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	UBRELVY	53
TRIKAFTA TBPK	63	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	UCERIS (budesonide (intrarectal))	.7
trimethobenzamide hcl CAPS	17	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	UDENYCA ONBODY SOSY	49
trimethoprim TABS	21	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	UDENYCA SOAJ	49
trimipramine maleate CAPS	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	UDENYCA SOSY	49
TRINTELLIX	14	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	UPTRAVI TABS 200 MCG	34
TRIUMEQ TABS	31	TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDDED MISC	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	34
TRIZIVIR	31	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	34
tropicamide SOLN 0.5 %	58	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	ursodiol CAPS	47
tropicamide SOLN 1 %	58	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	ursodiol TABS	47
tropium chloride CP24	65	TRUXIMA	UVADEX	27
tropium chloride TABS	65		valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	31
TRUE COVER DEVI	52		valacyclovir hcl 500 MG	31
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ...	43		valganciclovir hcl TABS	31
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	53		valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13
			valproic acid CAPS	13

valrubicin	26	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	33	warfarin sodium TABS	10
valsartan TABS	20	verapamil hcl TABS	33	water for irrigation, sterile	56
valsartan-hydrochlorothiazide	21	verapamil hcl TBCR	33	WESTAB PLUS TABS	57
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ...	11	VEREGEN	38	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	52
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	11	VERZENIO	27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	52
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...	11	VICTOZA (liraglutide)	16	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	52
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11	vigabatrin PACK	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	52
vancomycin hcl CAPS	22	vigabatrin TABS	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	52
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG	22	VIIBRYD STARTER PACK KIT ...	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	52
vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML ..	22	vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	52
VAQTA	68	vincristine sulfate	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	52
varenicline tartrate TABS	63	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	28	XALKORI CAPS	27
varenicline tartrate TBPK	63	VIRACEPT TABS 250 MG	31	XARELTO STARTER PACK TBPK 10	
VARIVAX INJ	68	VIRACEPT TABS 625 MG	31	XARELTO SUSR	10
VARUBI TBPK	18	VIREAD POWD	31	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10
VAXNEUVANCE	66	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	31	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10
VECAMYL	21	VISTOGARD	17	XELJANZ SOLN	3
VECTIBIX 100 MG/5ML	24	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	69	XELJANZ TABS 10 MG	3
VELPHORO	47	VITATHELY/GINGER TABS	57	XELJANZ TABS 5 MG	3
venlafaxine hcl CP24 150 MG	14	VITRAKVI CAPS	27	XELJANZ XR TB24	3
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG	14	VITRAKVI SOLN	27	XEOMIN	58
venlafaxine hcl CP24 75 MG	14	VIZIMPRO	24	XERAVA	63
venlafaxine hcl TABS	14	VORAXAZE	28	XGEVA SOLN	44
venlafaxine hcl TB24 150 MG	14	voriconazole TABS	18	XHANCE EXHU	58
venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	14	VOSEVI	31		
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	33	VOTRIENT (pazopanib hcl)	27		
verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	33	VYNDAMAX	34		
		VYNDAQEL	34		
		VYVANSE CAPS	1		

XIFAXAN 200 MG	21	zaleplon 5 MG	50	zolmitriptan SOLN	54
XIFAXAN 550 MG	21	ZALTRAP 100 MG/4ML	24	zolmitriptan TABS	54
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	15	ZANOSAR	23	zolmitriptan TBDP	54
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZARONTIN CAPS (ethosuximide)	13	zolpidem tartrate TABS	50
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZARXIO	49	zolpidem tartrate TBCR	50
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9	ZEJULA CAPS	27	zonisamide CAPS	12
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	9	ZEJULA TABS 100 MG	27	ZONTIVITY	49
XOLAIR SOLR	9	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	27	ZORBTIVE SC	45
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9	ZELBORAF	27	ZYDELIG	27
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	9	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	43	ZYLET	59
XOSPATA	27	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	43		
XPOVIO	25	zidovudine CAPS	31		
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25		zidovudine SYRP	31		
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25		zidovudine TABS	31		
XTAMPZA ER	6	ZIEXTENZO	49		
XTANDI CAPS	25	zileuton TB12	9		
XTANDI TABS 40 MG	25	ziprasidone hcl	29		
XTANDI TABS 80 MG	25	ZIRABEV	24		
XULTOPHY 100/3.6	15	ZIRGAN GEL	59		
XYNTHA	48	ZOLADEX 10.8 MG	25		
XYNTHA SOLOFUSE	48	ZOLADEX 3.6 MG	25		
YERVOY	24	zoledronic acid CONC	44		
YONSA	25	zoledronic acid SOLN	44		
zafirlukast	9	ZOLINZA	27		
zaleplon 10 MG	50				

Ambetter from NH Healthy Families is underwritten by Celtic Insurance Company, which is a Qualified Health Plan issuer in the New Hampshire Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. © 2023 Celtic Insurance Company. All rights reserved. The policy, application, or other form is a translation that has not been approved by the commissioner and the English version of the policy, application, or other forms shall control in any disputes, complaints, or litigation.